| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC I - HÀ NỘI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **Số: 358/2026/QĐST-HNGĐ** | *Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I - HÀ NỘI

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 5 Điều 211, Điều 212 ; Điều 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 201/2026/TLST-HNGĐ ngày 06/03/2026 về vụ án Xin ly hôn và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02/04/2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Nội.

**Nguyên đơn: Ông Phạm Anh T,** sinh ngày 11/07/1958; Căn cước công dân số 001058018764 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/07/2021; Đăng ký HKTT và nơi ở: P7 Nhà G19 Tập thể T, phường G, thành phố Hà Nội.

**Bị đơn: Bà Phạm Bích T1,** sinh ngày 11/04/1969; Căn cước công dân số 001169042067 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 18/12/2021; Đăng ký HKTT và nơi ở: P7 Nhà G19 Tập thể T, phường G, thành phố Hà Nội.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Ông Phạm Anh T và bà Phạm Bích T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận H, thành phố Hà Nội ngày 15/05/1990 số 32/1990 quyển số 03. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 04 năm 2026 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 201/2026/TLST-HNGĐ ngày 06/03/2026.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 04 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Anh T và bà Phạm Bích T1.

- Về con chung: Ông Phạm Anh T và bà Phạm Bích T1 xác định có 02 con chung cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 03/02/1991 và cháu Phạm P, sinh ngày 26/07/2000. Cả hai cháu đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nhà ở chung:

Ông Phạm Anh T và bà Phạm Bích T1 đã tự thỏa thuận và ghi nhận tại Vi bằng số 1679/2026/VP-TPLMB ngày 02 tháng 04 năm 2026 lập tại Văn phòng thừa phát lại Miền B. Thực hiện nộp kèm theo hồ sơ khởi kiện tại Tòa án với nội dung cụ thể như sau:

"…….1.1. Ông Phạm Anh T và bà Phạm Bích T1 là đồng chủ sở hữu căn hộ căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10101238155, hồ sơ gốc số 27939.2002.6616.2002.QĐUB do UBND thành phố H cấp ngày 27/9/2002. Thông tin căn hộ cụ thể như sau:
*Nhà ở:
- Địa chỉ: Căn hộ G, nhà G, TTQĐ T, phường T, quận B, Hà Nội (nay là phường G, thành phố Hà Nội);
- Tổng diện tích sử dụng: 43,96m$^2$ (Bốn mươi ba phẩy chín mươi sáu mét vuông);
- Kết cấu nhà: Tường xây chịu lực – Mái BTCT;
- Số tầng: 02
*Đất ở:
- Diện tích 58,00m$^2$ (Năm mươi tám phẩy không mét vuông);
- Hình thức sử dụng: Riêng: 58,00m$^2$; chung: \ m$^2$.
**1.2.** Căn nhà tại địa chỉ: Số B tầng A nhà G+24, phường T, quận B, thành phố Hà Nội (nay là phường G, thành phố Hà Nội), thuộc thửa đất số 1, tờ bản đồ số: 6E-II-12, diện tích: 93,5m$^2$ (Chín mươi ba phẩy năm mét vuông); Sử dụng chung: 93,5m$^2$; Sử dụng vào mục đích: Đất ở từ thời điểm trước năm 1990 căn cứ theo Giấy xác nhận đăng ký đất đai số 3617/GXN-CNKV do Văn phòng Đ chi nhánh khu vực B - H - Đ xác nhận ngày 11/12/2017.
Nguồn gốc: Ông Phạm Anh T nhận chuyển nhượng tài sản nêu trên từ Công ty đầu tư phát triển nhà của UBND thành phố H theo Hợp đồng mua bán nhà số 18KH lập ngày 24/09/1990.

**1.3.** Căn hộ số B-906, tầng 9, tòa nhà C, tổng diện tích căn hộ (Trong nhà + Ban công + Sân vườn): 125,87 $m^2$ (Một trăm hai mươi lăm phẩy tám mươi bảy mét vuông) tại địa chỉ: U - Khu đô thị M, phường L, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường H, thành phố Hà Nội) căn cứ theo Hợp đồng mua bán căn hộ (Dự án U - Khu đô thị M) số 0960/2010/HĐMB-UVK ngày 28/04/2010 giữa bên bán là Công ty Cổ phần S và bên mua là ông Phạm Anh T.

***Ông Phạm Anh T và bà Phạm Bích T1 thỏa thuận như sau:***

- Ông **Phạm Anh T** được toàn quyền sử dụng, sở hữu, định đoạt căn hộ nêu tại M 1.1 Khoản 1 của Điều này. Căn hộ nêu trên là tài sản riêng của ông Phạm Anh T, toàn bộ lợi ích phát sinh từ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất nêu tại Mục 1.1 Khoản 1 của Điều này thuộc quyền sở hữu riêng của ông Phạm Anh T. Đồng thời chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của bà Phạm Bích T1 đối với toàn bộ căn hộ nêu tại M 1.1 Khoản 1 của Điều này kể từ ngày lập và ký Văn bản này.
- Bà Phạm Bích T1 có trách nhiệm và nghĩa vụ cùng với ông Phạm Anh T đến Văn phòng công chứng hoặc cơ quan có thẩm quyền để ký các giấy tờ hoàn tất thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, sang tên căn hộ nêu tại M 1.1 Khoản 1 của Điều này cho ông Phạm Anh T theo đúng quy định của pháp luật mà không được gây khó khăn hay đòi hỏi ông Phạm Anh T bất kỳ chi phí phát sinh nào.
- Bà **Phạm Bích T1** được toàn quyền sử dụng, sở hữu, định đoạt 02 (hai) tài sản là căn nhà ở và căn hộ nêu tại M và M 1.3 Khoản 1 của Điều này. Cả 02 (hai) tài sản nêu trên là tài sản riêng của bà Phạm Bích T1, toàn bộ lợi ích phát sinh từ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất nêu tại Mục 1.2 và Mục 1.3 Khoản 1 của Điều này thuộc quyền sở hữu riêng của bà Phạm Bích T1. Đồng thời chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của ông Phạm Anh T đối với 02 (hai) tài sản nêu tại Mục 1.2 và M 1.3 Khoản 1 của Điều này kể từ ngày lập và ký Văn bản này.
- Ông Phạm Anh T có trách nhiệm và nghĩa vụ cùng với bà Phạm Bích T1 đến Văn phòng công chứng hoặc cơ quan có thẩm quyền để ký các giấy tờ hoàn tất thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, sang tên căn nhà ở và căn hộ nêu tại M và M 1.3 Khoản 1 của Điều này cho bà Phạm Bích T1 theo đúng quy định của pháp luật mà không được gây khó khăn hay đòi hỏi bà Phạm Bích T1 bất kỳ chi phí phát sinh nào.

*Kể từ thời điểm ký Văn bản này:

- Ông Phạm Anh T có toàn quyền sử dụng, sở hữu, định đoạt đối với tài sản nêu tại Mục 1.1 Khoản 1 Điều 1 của Văn bản này theo quy định của pháp luật mà bà Phạm Bích T1 không có bất cứ thắc mắc hay khiếu kiện gì

- Bà Phạm Bích T1 có toàn quyền sử dụng, sở hữu, định đoạt đối với tài sản nêu tại M 1.2 và Mục 1.3 Khoản 1 Điều 1 của Văn bản này theo quy định của pháp luật mà ông Phạm Anh T không có bất cứ thắc mắc hay khiếu kiện gì.

- Về nợ chung: Ông Phạm Anh T và bà Phạm Bích T1 không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Anh T chịu cả 150.000 đồng án phí giải quyết ly hôn. Ông Phạm Anh T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005255 ngày 06/03/2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Hà Nội, ông Phạm Anh T2 được hoàn lại số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận:***
- VKSND khu vực 1 – Hà Nội;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Tòa án ND TP. Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 1 – Hà Nội.
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

**THẨM PHÁN**

**Vũ Thị Nguyệt**